

Bản án số: 441/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Mạnh Tường**.

Ông **Nguyễn Tiến Bộ**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hữu Vinh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Duy Luân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 173/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972.

Nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965.

Nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

(*Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965, trú tại: thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội lấy nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 26/12/1991 tại UBND xã H. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống và không có hạnh phúc. Bà đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng tôi đã ly thân từ cuối năm 2008 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- *Về con chung*: Bà và ông Nguyễn Văn H 02 con chung là chị Nguyễn Lan H1, sinh ngày 12/01/1993 và anh Nguyễn Việt C, sinh ngày 04/02/1996. Hai con con chung đã trưởng thành, tự lập và có sức khỏe tốt nên bà không đề nghị gì về nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 14/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn H gửi qua đường bưu điện trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, thường trú tại: thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/12/1991 tại UBND xã H. Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên cãi vã, chửi nhau, không hòa thuận, không có hạnh phúc. Ông đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông đã ly thân từ cuối năm 2008 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà Nguyễn Thị T xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Do công việc của ông H bận và đang đi làm trong tỉnh Gia Lai thỉnh thoảng mới về nhà nên ông không thể về Tòa án để giải quyết ly hôn được. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Tòa án giao các giấy tờ văn bản cho con trai ông là anh Nguyễn Việt C đang ở cùng nhà với ông ở huyện M để anh C sẽ thông báo lại cho ông.

- *Về con chung*: Ông cũng thống nhất với bà T: vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Lan H1, sinh ngày 12/01/1993 và anh Nguyễn Việt C, sinh ngày 04/02/1996. Hiện nay chị H1 và anh C đã trưởng thành, tự lập và có sức khỏe tốt nên ông không đề nghị gì về việc nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2024, anh Nguyễn Việt C (là con chung của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T) trình bày: Bố mẹ anh kết hôn năm 1991, bố mẹ anh bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2008, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, bố mẹ anh sống không có lòng tin với nhau, thường xuyên cãi vã, chửi nhau, gia đình luôn trong tình trạng ngột ngạt, không có hạnh phúc. Bố mẹ anh đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay mẹ anh là bà T xin ly hôn thì bố anh là ông H đã biết và bản thân ông H cũng đồng ý ly hôn nhưng do ông H đi làm ăn nên không về Tòa án giải quyết được; về con chung: Bố mẹ anh có 02 con chung là chị Nguyễn Lan H1, sinh ngày 12/01/1993 và anh là Nguyễn Việt C, sinh ngày 04/02/1996. Chị H1 và anh đã trưởng thành, tự lập và có sức khỏe tốt. Bố mẹ anh không có tài sản chung và nợ chung; anh và chị H1 không liên quan gì đến tài sản chung, nợ chung của bố mẹ anh.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/11/2024, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội thể hiện: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn số 63, quyền số 01 ngày 26/12/1991 tại UBND xã H. Hiện nay đời

sống chung vợ chồng giữa ông H và bà T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân nhiều năm nay. Ông H và bà T có 02 con chung là chị Nguyễn Lan H1, sinh ngày 12/01/1993 và anh Nguyễn Việt C, sinh ngày 04/02/1996. Chị H1 và anh đã trưởng thành, tự lập. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức (Thẩm phán, Thư ký Tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôn nay, bị đơn mặc dù được Tòa án nhiều lần và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt không đến làm việc, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T, xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Hai con chung của ông H và bà T đều đã trưởng thành, tự lập và có sức khỏe tốt nên không xem xét việc nuôi dưỡng.

- *Tài sản chung và nợ chung:* Do đương sự xác nhận không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Văn H nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có đăng ký thường trú tại: thôn T, huyện M, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên

đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M vào ngày 26/12/1991 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ cuối năm 2008 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng có văn bản thể hiện đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

Xét thấy, các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng; vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2008 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là chị Nguyễn Lan H1, sinh ngày 12/01/1993 và anh Nguyễn Việt C, sinh ngày 04/02/1996. Hiện nay chị H1 và anh C đã trưởng thành, tự lập và có sức khỏe tốt nên không xem xét việc nuôi dưỡng.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự xác nhận không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn H.

Xử bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Xác nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là chị Nguyễn Lan H1, sinh ngày 12/01/1993 và anh Nguyễn Việt C,

sinh ngày 04/02/1996, đã trưởng thành, tự lập và có sức khỏe tốt nên không xem xét việc nuôi dưỡng.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008054 ngày 08/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- **UBND xã Hồng Sơn;**
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Cường